



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 9 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Cơ sở xét nghiệm Medlatec số 02 - Trường Vinh Nghệ An**
Medical Laboratory: Medlatec Testing Facility No.02 - Truong Vinh Nghe An

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medlatec Việt Nam**
Organization: Medlatec Viet Nam Co., Ltd

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Field of medical testing: Biochemistry

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Phùng Toàn**
Nguyen Phung Toan

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189: 2022**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 180**

Hiệu lực/ *Validation:* **Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031**

Địa chỉ/ *Address:* **Số 91A Hoàng Thị Loan, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An**
No. 91A Hoang Thi Loan, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

Địa điểm/ *Location:* **Tầng 2, số 91A Hoàng Thị Loan, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An**
2nd Floor, No. 91A Hoang Thi Loan, Truong Vinh Ward, Nghe An Province

Điện thoại/ *Tel:* **0386730792**

Email: **toan.nguyenphung@medlatec.com**

Website: **www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 180

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**

Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết thanh, huyết tương (Heparin) <i>Serum, Plasma (heparin)</i>	Xác định lượng Aminotransferase Alanin (ALT) <i>Determination of Aminotransferase Alanin (ALT)</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDNA.XN.QTKT. HSMD.16 (2026) (Cobas C501)
2.		Xác định lượng Aspartate aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.17 (2026) (Cobas C501)
3.		Xác định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.63 (2026) (Cobas C501)
4.		Xác định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.135 (2026) (Cobas C501)
5.		Xác định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.46 (2026) (Cobas C501)
6.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDNA.XN.QTKT. HSMD.36 (2026) (Cobas C501)
7.		Xác định lượng GGT <i>Determination of y-glutamyltransferase (GGT)</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.65 (2026) (Cobas C501)
8.		Xác định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>		MEDNA.XN.QTKT. HSMD.129 (2026) (Cobas C501)

Ghi chú/ Note:

- MEDNA.XN.QTKT...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory development method*
- Trường hợp Cơ sở xét nghiệm Medlatec số 02 - Trường Vinh Nghệ An cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Medlatec Testing Facility No.02 - Truong Vinh Nghe An that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

